

Bản án số: 16 /2026/HS-PT

Ngày: 23/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Đinh Tấn Long

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2026/TLPT-HS-CTN ngày 29 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1, Phạm Anh K1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Bá L, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 25.12.2008 tại thành phố Đà Nẵng. CCCD: 048208006945, cấp ngày 13/3/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 05 ngày. Nơi thường trú: Tổ H, phường P, quận S (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng). Nơi ở: Tổ I, phường T, quận S (cũ) nay là phường S, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông Phạm Bá H1 (sinh năm: 1981, sống) và bà Phan Thị Kim A (sinh năm: 1983, sống)

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

2. Võ Phạm Gia H, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 28/8/2007 tại Huế. CCCD: 048207006983, cấp ngày 05/5/2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Tại thời điểm phạm tội bị cáo 17 tuổi 06 tháng 02 ngày. Nơi thường trú: Tổ B, phường H, quận C (nay là phường A), thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: D A, phường A, quận S (nay là phường A), thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Tôn

giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Võ Đức C (sinh năm: 1982, sống) và bà Phạm Thị Tuyết K2 (sinh năm: 1981, sống).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

3. Phạm Minh K, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 02/5/2008 tại thành phố Đà Nẵng. CCCD 048208002818, cấp ngày 118.9.2022, nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng. Nơi thường trú: Tổ B phường P, quận S (nay là phường A) thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: Số nhà G đường L, Tổ B phường P, quận S (nay là phường A) thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Phạm Minh K3 (sinh năm: 1973, sống) và bà Trần Thị Bích Đ1 (sinh năm: 1979, sống).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

4. Nguyễn Thành Đ, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 07/9/2008 tại thành phố Đà Nẵng. CCCD 037208003245, cấp ngày: 31/3/2023, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH. Tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 06 tháng 23 ngày. Nơi thường trú và nơi ở: K N, phường M A, quận N (nay là phường N), thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm: 1976, Khung sống) và bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc T2 (sinh năm: 1979, sống).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

5. Trần Lê Thanh T, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 14/7/2006 tại thành phố Đà Nẵng. CCCD 048206000843, cấp ngày 11/7/2024, nơi cấp: Bộ C2. Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ E, phường K, quận N (nay là phường N), thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. - Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Trần Thanh P (sinh năm: 1966, sống) và bà Lê Thị Kim Á (sinh năm: 1969, sống).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

6. Hoàng Hữu Tường L1, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 17/02/2009 tại thành phố H. CCCD: 048209003074, cấp ngày 22/6/2024, nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 3 tháng 11 ngày. Nơi thường trú: Tổ 50 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: Số A đường A, tổ E phường M, quận N (nay là phường N), thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Học viên tại Trung tâm G1 Thành phố Đà Nẵng. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt

Nam. Trình độ học vấn: 11/12. con ông Hoàng Hữu Tường L2 (sinh năm: 1979, sống) và bà Lê Thị Ngọc L3 (sống)

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

7. Phạm Anh K1, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 21/02/2009 tại thành phố Đà Nẵng. CCCD 048209006834, cấp ngày 25/5/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Tại thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi 0 tháng 09 ngày. Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện H (nay là phường L), thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Phạm Ngọc L4 (sinh năm: 1983) và bà Nguyễn Thị Thu S (sinh năm: 1984)

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

Ngoài ra còn có 14 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Bá L: Ông Phạm Bá H1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: B Hồ N, tổ I, phường A, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Phạm Gia H: Ông Võ Đức C, sinh năm 1982 và bà Phạm Thị Tuyết K4, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: D A, phường A, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành Đ: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc T2, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: K N, phường N, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Hữu Tường L1: Ông Hoàng Hữu Tường L2, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Ngọc L3. Cùng địa chỉ: A A, tổ E phường N, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Anh K1: Ông Phạm Ngọc L4, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Thu S sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Thôn V, phường L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh K: ông Phạm Minh K3, sinh năm: 1973 và bà Trần Thị Bích Đ1, sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: Số nhà G đường L, Tổ B phường P, quận S (nay là phường A) thành phố Đà Nẵng

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành Đ: Bà Lê Thị Sao M - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đ;

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Anh K1: Bà Châu Thị T3 - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đ;

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Hữu Tường L1 và Phạm Bá L: Ông Bùi Xuân N - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đ;

Người bào chữa cho bị cáo Võ Phạm Gia H: Ông Lê Ngọc Đ2- Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đ;

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh K: Bà Võ Thảo N1 - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhóm 1:

Khoảng 23h ngày 01/3/2025, tại quán F địa chỉ C V, phường A (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng). Nguyễn Mạnh L5 ngồi uống nước cùng Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Ngọc Minh D, Đặng Nguyễn Gia B, Hứa Thanh D1, Trần Quang T4, Hồ Đại P1, Lư Gia H2, Nguyễn Anh P2, Đinh Trang H3. Trong lúc ngồi nói chuyện, L5 rủ cả nhóm “đi đồ” tức là đi đánh nhau, cả nhóm đồng ý. L5 gọi thêm Lê Ngọc Chánh N2 và Nguyễn Hải Đ3 tham gia, N2 và Đ3 đồng ý, sau đó hẹn gặp nhau tại cây xăng gần cảng cá T, đường L, phường S, thành phố Đà Nẵng.

Nhóm của L5 sau khi thống nhất với nhau, Trần Quang T4 và Phạm Bá L về nhà Phạm Bá L lấy 01 cây dao dài khoảng 54,5 cm. Đinh Trang H4 chở L5 đi đồ xăng sau đó đi lấy 01 cây ba chĩa dài 158 cm. Đặng Nguyễn Gia B chở Nguyễn Ngọc Minh D đi lấy 02 cây dao dài 46,5cm và 46,7cm đã cất giấu trước đó rồi đưa cho L5. Liêm đưa cây ba chĩa cho Hứa Thanh D1 cầm, L5 cầm hai cây dao. Nhóm Liêm còn đi lấy nhiều vỏ chai thủy tinh đã chuẩn bị trước đó để chia nhau mang theo.

Sau khi được L5 rủ, Lê Ngọc Chánh N2 rủ thêm người tập trung tại quán C3 tại khu vực đường H, thành phố Đà Nẵng gồm: Nguyễn Thành Đ, Võ Mạnh T5, Trần Lê Thanh T, Lê Huỳnh Tấn V, Bùi Tuấn V1, Phan Tuấn H5, Huỳnh Phước T6, Phan Văn S1. Bùi Tấn V2 rủ Hoàng Hữu Tường L1. Nguyễn Hải Đ3 đang đi cùng Trần Hữu Nhật M1 nên nói M1 biết. Cả nhóm tập trung tại quán C4 khu vực đường H, phường N, thành phố Đà Nẵng. Tại đây Lê Ngọc Chánh N2 rủ đi đồ thì cả nhóm đồng ý.

Bùi Tấn V2 mang theo 01 cây dao dài khoảng 55cm, còn lại mang theo vỏ chai thủy tinh. Cả nhóm di chuyển đến cây xăng gần cảng cá T để tập hợp với nhóm của L5.

Khoảng 00h 30 phút ngày 02.3.2025, nhóm của Lê Ngọc Chánh N2 đến gặp nhóm của L5 thì L5 đưa cho N2 cầm 01 cây dao, cây còn lại L5 cầm. Cả nhóm mang theo hung khí, điều khiển xe mô tô thành đoàn, di chuyển tốc độ cao trên các tuyến đường N, cầu T rẽ qua 2.9. Khi di chuyển cả nhóm chờ nhau như sau:

Đinh Trang H4 điều khiển xe mô tô Winner màu đen biển kiểm soát 92C1-245.97 chở Nguyễn Đặng Mạnh L5 ngồi sau cầm 01 cây dao dài 46 cm.

Hồ Đại P1 điều khiển xe mô tô Honda Airblade màu đỏ biển kiểm soát 43F1 - 571.89 chở Lư Gia H2 ngồi sau cầm theo 02 vỏ chai thủy tinh.

Phạm Minh K điều khiển xe mô tô hiệu Winner màu đỏ biển kiểm soát 43K1-337.04 chở Hứa Thanh D1 ngồi sau cầm 01 cây ba chĩa.

Nguyễn Anh P2 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade màu trắng đen, không rõ biển kiểm soát chở Võ Phạm Gia H ngồi sau cầm 02 vỏ chai thủy tinh.

Trần Quang T4 điều khiển xe mô tô hiệu Raider màu đen, biển kiểm soát 92N-582.41 chở Phạm Bá L ngồi sau cầm 01 cây dao dài 56cm.

Đặng Nguyễn Gia B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen, biển kiểm soát 43AE-019.59 chở theo Nguyễn Ngọc Minh D ngồi sau cầm 02 vỏ chai.

Bùi Tấn V2 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen, biển soát: 43AH-034.25 chở theo Hoàng Hữu Tường L1 cầm theo 02 vỏ chai và 01 cây dao.

Nguyễn Thành Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đỏ, biển kiểm soát: 43H1-32.456 chở theo Lê Ngọc Chánh N2 ngồi sau cầm theo 02 vỏ chai thủy tinh.

Huỳnh Phước T6 điều khiển xe mô tô, không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát: 43H1-365.64 chở Lê Huỳnh Tấn V ngồi sau cầm 02 vỏ chai.

Phan Văn S1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu xám BKS: 43AH-019.87 chở Trần Lê Thanh T ngồi sau cầm 02 vỏ chai.

Võ Mạnh T5 điều khiển xe mô tô, hiệu Exciter, màu đen, không rõ biển kiểm soát chở Phan Tuấn H5 ngồi sau cầm 2 vỏ chai.

Trần Văn Nhật M2 điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, BKS: 92D1-494.65 chở Nguyễn Hải Đ3 ngồi sau cầm 02 vỏ chai.

Nhóm 2:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 01.3.2025, tại nhà của Huỳnh Văn K5 tại thôn Q, phường L, thành phố Đà Nẵng có: Phạm Tiến Đ4, Lê Hoàng L6, Phạm D2, Lê Minh Q, Phạm Anh K1. Ngô Hữu M3. Tại đây M3 rủ K5, L6, D2, Q, Đ4, Anh K1 đi đồ tức là đi đánh nhau với các nhóm khác nên cả nhóm đồng ý. Hữu M3 gọi qua ứng dụng M4 rủ Phạm Hoàng G cùng tham gia. G đang đi cùng Nguyễn Tuấn K6 nên rủ K6 đi cùng, K6 đồng ý. G gọi M5 cho Phạm Viết M6 rủ Viết M6 đi cùng. M6 đồng ý và rủ Trần Ái Q1, Phạm Minh H6, Nguyễn Thanh N3, Lê Hùng P3.

Tất cả thống nhất tập trung tại cây xăng H9 tại địa chỉ C N, phường L, thành phố Đà Nẵng để xuất phát đi đánh nhau.

Khoảng 00h ngày 02.3.2025, Trần Ái Q1, Lê Hùng P3, Phạm Viết M6, Nguyễn Tuấn K6, Phạm Hoàng G tập trung tại gần nhà Q1 ở đầu kiệt I Á, thành phố Đà Nẵng. Trần Ái Q1 chuẩn bị 01 cây kiếm dài 93cm đưa cho G cầm rồi cả nhóm di chuyển đến nhà Phạm Minh H6 chở H6 cùng đi đến cây xăng H9.

Cùng lúc này Lê Minh Q, Phạm Anh K1, Phạm Tiến Đ4, Lê Hoàng L6, Ngô Hữu M3, Huỳnh Văn K5, Phạm Duy Đ5 điều khiển xe mô tô di chuyển đến cây xăng H9, Ngô Hữu M3 mang theo 01 cây phớt, Phạm D2 cầm 01 cây dao dài khoảng 60cm.

Khi nhóm Phạm Hoàng G gặp nhóm của Đ4 thì G đưa cây kiếm của Q1 cho Phạm Tiến Đ4 cầm. Cả nhóm mang theo hung khí, điều khiển xe mô tô đi thành đoàn, di chuyển trên nhiều tuyến đường từ N, Tôn Đức T7, Đ, Nguyễn Tri P4, Nguyễn Văn L7, đường 2 tháng 9 thuộc thành phố Đà Nẵng. Khi di chuyển cả nhóm chở nhau như sau:

Nguyễn Tuấn K6 điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Airblade, màu đen, biển kiểm soát: 43AA-642.24 chở Phạm Hoàng G.

Phạm Minh H6 điều khiển xe Wave Alpha, màu đen, biển kiểm soát: 43 AF-026:43 chở Nguyễn Thanh N3.

Lê Hùng P3 điều khiển xe mô tô, hiệu Airblade, màu đen đỏ, biển kiểm soát: 43-AF-053.90 chở Phạm Viết M6.

Trần Ái Q1 điều khiển xe mô tô, hiệu Wave, màu trắng, biển kiểm soát: 43AF-056.62 chở theo Lê Minh Q.

Phạm Anh K1 điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Winner, màu xanh trắng, không rõ biển kiểm soát chở theo Phạm Tiến Đ4 ngồi sau cầm 01 cây kiếm, dài khoảng 93 cm.

Lê Hoàng L6 điều khiển xe mô tô, màu đỏ trắng, biển kiểm soát: 60P1- 823.90 chở theo Ngô Hữu M3 ngồi sau cầm cây phớ dài khoảng 190cm.

Huỳnh Văn K5 điều khiển xe Honda Airblade, màu đen, không gắn biển số chở theo Phạm Duy N4 sau cầm cây dao dài khoảng 55 cm.

Khi đi đến đường B, nhóm Phạm Anh K1 thấy Trần Văn P5 đang điều khiển xe mô tô, hiệu Airblade màu xanh lá cây, biển số 43AB-016.89 chở theo Nguyễn Phan Gia P6 ngồi sau mang theo 01 cây kiếm, dài khoảng 100cm nên đuổi theo nhưng không được nên tiếp tục điều khiển xe đi trên tuyến đường B gặp nhóm của Nguyễn Đăng Mạnh L5 đang di chuyển theo hướng ngược lại. Một người trong nhóm của Nguyễn Đăng Mạnh L5 hô lớn: Hấn kia, hấn kia nên nhóm của Nguyễn Đăng Mạnh L5 ném vỏ chai và đuổi đánh nhóm của Phạm Anh K1.

Nhóm của Phạm Anh K1 điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, lạng lách đánh võng để bỏ chạy. Riêng Phạm Minh H6 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thanh N3 đi theo hướng đường 2 tháng 9 nên bị Bùi Tấn V2, Lê Huỳnh Tấn V, Nguyễn Thành Đ, Lê Ngọc Chánh N2, Nguyễn Hữu Tường L8, Nguyễn Phước T8 đuổi theo.

Khi Nguyễn Thanh N3 và Phạm Minh H6 điều khiển xe đến trước số nhà F đường B phường H, thành phố Đà Nẵng thì xe của Bùi Tấn V2 chở Nguyễn Hữu Tường L8, xe của Nguyễn Phước T8 chở Lê Huỳnh Tấn V, xe của Nguyễn Thành Đ chở Lê Ngọc Chánh N2 áp sát nên N3, H6 để lại xe mô tô và bỏ chạy. Lúc này Bùi Tấn V2 đưa dao cho Lê Huỳnh Tấn V, V chặt vào đèn trước xe, đèn sau xe và đuôi xe của Phạm Minh H6; Nguyễn Hữu T9 L8 dùng vỏ chai đập vào xe làm bể đèn trước, sau, gãy phần đuôi xe gắn biển số 43AF-026.43. Lê Huỳnh Tấn V đưa biển số xe cho Tường L8, L8 đưa cho cho Bùi Tấn V2 bỏ vào cốp cất giữ.

Sau đó Bùi Tấn V2, Hoàng Hữu Tường L1, Nguyễn Phước T8, Lê Huỳnh Tấn V, Nguyễn Thành Đ, Lê Ngọc Chánh N2 quay lại khu vực Q để tìm nhóm của L5.

Nguyễn Thanh N3 và Phạm Minh H6 núp trong gara ô tô gần đó đợi cho nhóm của Mạnh L5 bỏ đi mới ra dắt xe về.

Trong lúc đó thì Đinh Trang H4, Nguyễn Đăng Mạnh L5, Nguyễn Ngọc Minh D, Đặng Nguyễn Gia B, Võ Mạnh T5, Phan Tuấn H5 và nhiều người khác truy đuổi nhóm của Phạm Anh K1 vào đường N thì mất dấu. Cả nhóm trên điều khiển xe đến đoạn N - X phát hiện Trần Văn P5 và Nguyễn Phan Gia P6 có mang theo kiếm nên đuổi đánh. Nhóm của L5 ném vỏ chai, H4 điều khiển xe chở L5 tông vào xe của Văn P5 làm làm cả hai ngã xuống đường. H4 xông vào quật ngã Gia P6 làm rơi kiếm, sau đó dùng tay đấm vào mặt Gia P6. Nguyễn Đăng Mạnh L5 cầm dao, dùng lưng dao chém vào người Gia P6 02 cái làm Gia P6 bị trầy xước ở tay và mông. Tiếp đó Nguyễn Đăng Mạnh L5 đuổi đánh Trần Văn P5 thì Văn P5 bỏ chạy vấp ngã. L5 cầm dao dùng lưng dao chém vào người Văn P5 01 cái làm chày xước ở chân. Những người còn lại trong nhóm L5 đứng xung quanh xem L5 đánh nhau. Sau đó Nguyễn Thành Đ nói “Thôi đừng đánh nữa, tha cho hấn đi” nên nhóm L5 không đánh nữa. Hứa Thanh D1 lấy cây kiếm của Nguyễn Phan Gia P6 rồi đưa cho Võ Phạm Gia H cầm, nhóm tiếp tục di chuyển trên nhiều tuyến đường khác nhau rồi đi về.

Sau khi xảy ra vụ việc, Bùi Tấn V2 đưa dao cho Trần Lê Thanh T cất giấu. Sau đó sợ bị phát hiện, T mang dao vứt xuống cầu T, Phạm Tiến Đ4 đưa lại 01 cây kiếm dài 93 cm cho Trần Ái Q1 cất giấu; L5 đưa lại 02 cây dao cho Đặng Nguyễn Gia B cất giấu; Phạm Bá L mang 01 con dao dài 54,5cm về nhà cất giấu. Sau đó Q1, L, B giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 đĩa CD lưu giữ hình ảnh gây rối trật tự công cộng tại khu vực trước nhà số F đường B tháng I, phường H, thành phố Đà Nẵng vào tối ngày 02.3.2025 do ông Nguyễn Văn Q2 giao nộp.

- Các mảnh nhựa, mảnh thủy tinh thu tại hiện trường được đựng trong các túi niêm phong NS2 23022092, NS2 23022093, NS2 23022094.

- Lư Gia H2 giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đỏ-đen, biển số 43F1-571.89, số khung: RLHJK1401NZ021151, số máy: JK14E0034034, dung tích 124,8cm³;

+ 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số mang tên Nguyễn Thị M7.

- Bùi Tấn V2 giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen - bạc, biển số 43AH-034.25, số khung: "RLHJK1404RZ334653, số máy: JK14E0490738, dung tích 124,8cm³;

+ 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 43AH-034.25 mang tên Trần Thị M8.

+ 01 dè đuôi xe mô tô màu đen, gắn biển số 43AF-026.43.

- Đặng Nguyễn Gia B giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen-vàng, biển số 43AE-019.59, số máy: JK14E0376586, số khung: RLHJK1406RZ234764, dung tích 124,8cm³.

+ 01 dao dài 46,7cm, mũi nhọn, có 01 lưỡi sắc bén, trên lưỡi dao có 03 lỗ hình tròn

+ 01 dao dài 46,5cm mũi nhọn, có 01 lưỡi sắc bén, trên lưỡi dao có 01 lỗ hình tròn

- Nguyễn Tuấn K6 giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen - vàng, biển số 43AA-642.24, số máy: JK14E0351246, số khung: RLHJK1402RZ214110, dung tích 124cm³

- Ông Phạm T10 (cha Phạm Viết M6) giao nộp: 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha, màu đen, không gắn biển số (biển số: 43AF-026.43 đã bị chém rớt).

- Nguyễn Thành Đ cùng bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc T2 (mẹ Nguyễn Thành Đ) giao nộp:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, biển số 43H1-324.56, số khung: RLHJF6337NZ133661, số máy: JF94E0486073, dung tích 124cm³ và bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Đoàn Thị Ngọc T2.

- Phạm Minh K giao nộp:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Winner, màu đen, số khung: 2609GY027325, số máy: KC26E1046764, dung tích 149cm³;

+ 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Trương Văn H7;

+ 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đỏ, số imei: 356556105220884.

- Nguyễn Hải Đ3 giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone 12, màu trắng, imei: 352513424444228.

- Huỳnh Văn K5 cùng bà Ngô Thị H8 giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen-bạc, số khung: RLHKF5309SZ300246, số máy: KF53E0106880, dung tích 156,9cm³

+ 01 bản phô tô CCCD và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Ngô Thị H8.

- Huỳnh Phước T6 giao nộp: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, màu đen đỏ, biển số 43H1-365.64, dung tích 147cm³.

- Võ Mạnh T5 giao nộp: 01 điện thoại di động Oppo màu xanh, gắn sim 0979417219.

- Võ Phạm Gia Hưng giao nộp:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S21, màu tím, số imei: 352859304665923, gắn sim số 0795540760;

+ 01 cây ba chĩa, có 03 đầu nhọn, tổng chiều dài 158cm, phần thân bằng kim loại được cuộn băng keo màu đen, chiều dài thân 119cm, phần ba chĩa dài 39cm;

+ 01 chai bằng thủy tinh, màu xanh lục, có chữ “7 up”;

+ 01 chai bằng thủy tinh trong suốt, có chữ “Sting”.

- Nguyễn Ngọc Minh D giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 7Z, imei: 863557050396352.

- Phạm Bá L giao nộp: 01 con dao dài 54,5cm, lưỡi dao bằng kim loại trắng dài 37,5cm, cán dao bằng gỗ màu đen, dài 17cm.

- Phạm Viết M6 giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen 64GB, imei: 352417944094085.

- Trần Ái Q1 giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave A, màu trắng, biển số 43AF-056.62, số khung: RLHJA3931RY264696, số máy: JA70E0699919, dung tích 109,2cm³ và bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Phạm Thị T11;

+ 01 cây kiếm dài 92cm, phần lưỡi kiếm bằng kim loại dài 67 cm.

- Phạm Minh H6 giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng (không gắn sim);

- Lê Hùng P3 giao nộp: 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu đen-đỏ, biển số 43AF-053.90, số khung: RLHJK7404NZ214667, số máy: JK14E0041118, dung tích 124,8cm³).

- Trần Văn P5 giao nộp:

+ 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade, màu xanh, biển số 43AB-016.89, số khung: RLHKF5309RZ301164, số máy: KF53E0092013, dung tích 156,9cm³;

+ 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax, màu xám, số imei: 355473495335309, số imei2: 355473494678139

- Nguyễn Thanh N3 giao nộp: 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, gắn sim 0908646066).

Theo Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 17.4.2025 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, UBND quận H (cũ), kết luận: Xe mô tô biển số 43AF-026.43 bị hư hỏng trị giá 1.910.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 540/KL-KTHS ngày 22.4.2025 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Đối với:

+ 01 vật hình dạng giống cây xiên "ba chia", bằng kim loại, chiều dài khoảng 158cm, có 03 đầu nhọn, phần cán dài khoảng 119cm, phần "ba chia" dài khoảng 39cm, mũi ba chia tròn và nhọn.

+ 01 vỏ chai, bằng thủy tinh, màu xanh lục, có chữ "7 UP"

+ 01 vỏ chai, bằng thủy tinh, có chữ "Sting".

Không thuộc danh mục vũ khí, công cụ hỗ trợ hay dao có tính sát thương cao (theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C2).

- Đối với:

+ 01 vật hình dạng giống cây đao, dài 46,7 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 33cm, rộng nhất 7,3cm, mũi nhọn và lưỡi có 01 cạnh sắc; trên bề mặt lưỡi có 03 lỗ tròn.

+ 01 vật hình dạng giống cây đao, dài 46,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 33cm, rộng nhất 6cm, mũi nhọn và lưỡi có 01 cạnh sắc; trên bề mặt lưỡi có 01 lỗ tròn.

+ 01 vật hình dạng giống con dao dài 54,5 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 37,5cm, rộng nhất 3,6cm, mũi nhọn và lưỡi có 01 cạnh sắc.

Là dao sắc, nhọn và thuộc Phụ lục 5, "Danh mục dao có tính sát thương cao" (Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C2).

- Đối với: 01 vật hình dạng giống cây kiếm dài 93cm, phần lưỡi bằng kim loại, dài 67,5 cm, rộng nhất 03cm, mũi nhọn và lưỡi có 01 cạnh sắc; giữa phần tay cầm và lưỡi có vòng khoen bảo vệ tay đã bị gãy mất một phần là kiếm và thuộc Phụ lục 3 "Danh mục vũ khí thô sơ".

Về dân sự:

- Bị cáo Lê Huỳnh Tấn V đã tác động gia đình bồi thường đối với thiệt hại của xe mô tô biển số 43AF-026.43 cho ông Phạm Tứ S2 tiền 3.500.000 đồng.

- Trần Văn P5 và Nguyễn Phan Gia P6 không yêu cầu bồi thường.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc Chánh N2, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Ngọc Minh D, Đặng Nguyễn Gia B, Hứa Thanh D1, Nguyễn Hải Đ3, Nguyễn Thành Đ, Trần Văn Nhật M2, Lê Huỳnh Tấn V, Hoàng Hữu Tường L1, Phan Văn S1, Võ Mạnh T5, Trần Lê Thanh T, Phạm Anh K1, Phạm Tiến Đ4, Phạm D2, Huỳnh Văn K5, Nguyễn Tuấn K6, Lê Minh Q phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

- Bị cáo Lê Ngọc Chánh N2 bị áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2025.

- Bị cáo Hứa Thanh D1 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt 01 năm 04 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2025.

Bị cáo Phạm Tiến Đ4 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt 01 năm 03 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 97/2025/HS-ST ngày 24/6/2025 của TAND khu vực 4- Đà Nẵng buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 02 năm 09 tháng tù.

- Bị cáo Phạm Duy B1 áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt 01 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Huỳnh Văn K5 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 01 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Lê Minh Q bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 01 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh D bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, các Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng

- Bị cáo Đặng Nguyễn Gia B bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng

- Bị cáo Phan Văn S1 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng

- Bị cáo Trần Văn Nhật M2 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng

- Bị cáo Nguyễn Hải Đ3 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng

- Bị cáo Nguyễn Tuấn K6 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 65, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng.

- Bị cáo Lê Huỳnh Tấn V bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 01 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2025.

- Bị cáo Võ Mạnh T5 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt 01 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Trần Lê Thanh T bị áp dụng bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt 01 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Hoàng Hữu Tường L1 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Phạm Anh K1 bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Võ Phạm Gia H bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Phạm Bá L bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Phạm Minh K bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thành Đ bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo, quyền thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Anh K1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện hợp pháp của các bị cáo Phạm Bá L, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Hoàng Hữu Tường L1 và Phạm Anh K1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ông Hoàng Hữu Tường L2 là đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Hữu Tường L1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo cho bị cáo L2 nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hoàng Hữu Tường L2.

Đối với kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo, Viện kiểm sát xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xét xử mức án phù hợp với hành vi và hậu quả các bị cáo đã gây ra. Tại cấp phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận

kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Anh K1, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 và đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Bá L, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Hoàng Hữu Tường L1 và Phạm Anh K1 có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp. Đối với kháng cáo của ông Hoàng Hữu Tường L2 là đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Hữu Tường L1, xin hưởng án treo cho bị cáo L2 nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, HĐXX phúc thẩm không xem xét kháng cáo của ông Hoàng Hữu Tường L2.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đêm 01/3/2025 đến rạng sáng 02/3/2025, các bị cáo thuộc hai nhóm gồm: nhóm của Lê Ngọc Chánh N2 gồm Lê Ngọc Chánh N2 rủ Nguyễn Hải Đ3 cùng một số bị cáo gồm Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Ngọc Minh D, Đặng Nguyễn Gia B, Hứa Thanh D1, Nguyễn Hải Đ3, Nguyễn Thành Đ, Trần Văn Nhật M2, Lê Huỳnh Tấn V, Hoàng Hữu Tường L1, Phan Văn S1, Võ Mạnh T5, Trần Lê Thanh T cùng một số đối tượng khác; nhóm của Phạm Anh K1 gồm Phạm Anh K1, Phạm Tiến Đ4, Phạm D2, Huỳnh Văn K5, Nguyễn Tuấn K6, Lê Minh Q và một số đối tượng khác đã có hành vi tụ tập, cầm hung khí điều khiển xe mô tô thành đoàn, chạy tốc độ cao, lạng lách, net pô trên tuyến đường trọng điểm như N, đường B đường I thuộc địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng. Khi đến đường B tháng I, phường H, thành phố Đà Nẵng, nhóm Phạm Anh K1 gặp nhóm của Lê Ngọc Chánh N2 đi ngược chiều lại, nhóm của Lê Ngọc Chánh N2 đã có hành vi ném vỏ chai, rượt đuổi nhóm của Phạm Anh K1. Tấn Vinh, T, Phước T6, Tấn V, Thành Đ, C ép xe mô tô biển số 43AF-026.43 do Phạm Minh H6 điều khiển chở Nguyễn Thanh N3; Lê Huỳnh Tấn V dùng dao chặt vào đèn trước xe, đèn sau xe và đuôi xe của Phạm Minh H6; Nguyễn Hữu T9 L1 dùng vỏ chai thủy tinh đập vào xe làm bể đèn trước, sau, gây phần đuôi xe gắn biển số 43AF-026.43. Ngoài ra, nhóm của Phạm Anh K1 còn có hành vi rượt đuổi Trần Văn P5, Nguyễn Phan Gia P6 trên đường B; Đinh Trang H4, Nguyễn Mạnh L5, Nguyễn Ngọc Minh D, Đặng Nguyễn Gia B, Võ Mạnh T5, Phan Tuấn H5 có hành vi

đuổi theo Trần Văn P5 và Nguyễn Phan Gia P6; Nguyễn Mạnh L5 đánh Trần Văn P5 và Nguyễn Phan Gia P6 tại đoạn đường N - X. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng và nếp sống văn minh đô thị của thành phố Đà Nẵng, gây náo loạn và hoang mang cho người dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 Đà Nẵng đã kết án các bị cáo Lê Huỳnh Tấn V, Võ Mạnh T5, Phạm Anh K1, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Anh K1, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 và các đại diện hợp pháp của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã xét thấy rằng các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đồng thời đã xem xét các quy định của pháp luật khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội dưới 18 tuổi nên đối với hành vi của các bị cáo Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Trần Lê Thanh T 01 năm tù; bị cáo Hoàng Hữu Tường L1 09 tháng tù; bị cáo Phạm Anh K1 09 tháng tù; bị cáo Võ Phạm Gia H 09 tháng tù; bị cáo Phạm Bá L 09 tháng tù; bị cáo Phạm Minh K 09 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thành Đ 09 tháng tù, là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết mới làm căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Anh K1, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Anh K1, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 và đại diện hợp pháp của các bị cáo Phạm Bá L, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Hoàng Hữu Tường L1 và Phạm Anh K1 giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 90/2025/HS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng về hình phạt.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt Bị cáo Trần Lê Thanh T **01** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Bị cáo Hoàng Hữu Tường L1 **09** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Bị cáo Phạm Anh K1 **09** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Bị cáo Võ Phạm Gia H **09** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Bị cáo Phạm Bá L **09** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Bị cáo Phạm Minh K **09** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS; Điều 5, Điều 12, khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt Bị cáo Nguyễn Thành Đ **09** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các bị cáo Lê Huỳnh Tấn V, Phạm Anh K1, Phạm Bá L, Võ Phạm Gia H, Phạm Minh K, Nguyễn Thành Đ, Trần Lê Thanh T, Hoàng Hữu Tường L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/4/2026).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Đà Nẵng ;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tân